

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2024

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Dung và bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xét xử B – Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2023/TLST- HNGĐ ngày 14/11/2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Văn Công T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: khu 2, ấp 4, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị **Phạm Thị O**, sinh năm 1995

Địa chỉ: khu 2, ấp 4, xã P, huyện Định Quán, Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Văn Công T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị O kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn số 41, quyển số 01/2015, ngày 30/03/2015 tại UBND xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc được hơn 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người không hòa hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống và chị O sống không chung thủy, có mối quan hệ với người đàn ông khác nên bỏ nhà đi từ tháng 4/2023 cho đến nay, đã cho cơ hội quay về nhưng vẫn chứng nào tật đó. Anh nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị O.

- Về nuôi con: Anh trình bày có 03 con chung gồm: Văn Thanh N, sinh ngày 27/11/2011, Văn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/03/2014 và Văn Đức T1, sinh ngày

03/10/2016. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn chị Phạm Thị O trình bày.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận quan hệ hôn nhân như anh T trình bày là đúng sự thật. Cuộc sống chung hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh T hiện đã sống ly thân gần 01 năm nay. Vì vậy tình cảm phai nhạt, nếu có hòa giải thì 02 bên cũng không thể hàn gắn tình cảm về sống chung. Nay anh T cương quyết xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung gồm: ăn Thanh N, sinh ngày 27/11/2011, Văn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/03/2014 và Văn Đức T1, sinh ngày 03/10/2016. Hiện nay các con chung đang được anh T nuôi dưỡng chăm sóc từ khi sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 03 con chung cho anh T được nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đi làm ở xa, rất bận công việc nên không thể đến Tòa án tham gia tố tụng, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Về hôn nhân: Cho anh T được ly hôn với chị O. Về con chung: Giao 03 con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị O không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị O có nơi cư trú tại ấp 4, xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Anh T yêu cầu ly hôn và nuôi con vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 14/11/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc anh T xin ly hôn với chị O. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh là nguyên đơn, chị O là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị O được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 41, quyển số 01/2015 ngày 30/03/2015 tại UBND xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại bản tự khai ngày 16/11/2023, ngày 27/11/2023, biên bản xác minh ngày 23/01/2024 thể hiện vợ chồng anh có mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, chị O sống không chung thủy và có mối quan hệ với người đàn ông khác, từ tháng 4/2023 chị bỏ nhà đi và từ đó đến nay 02 người không còn sống chung với nhau nên tình cảm yêu thương không còn, nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị O cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, anh T và chị O đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho anh T được ly hôn với chị O.

- Về nuôi con chung: có 03 con chung Văn Thạnh N, sinh ngày 27/11/2011, Văn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/03/2014 và Văn Đức T1, sinh ngày 03/10/2016. Từ khi sống ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng. anh làm nghề tự do với mức thu nhập trung bình khoảng 8.000.000đ đến 9.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện nuôi con. Bên cạnh đó nguyện vọng của các con chung mong muốn được ở với cha, đồng thời chị O cũng đồng ý giao 03 con chung cho anh T nuôi dưỡng. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao 03 con chung cho anh T được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho chị O nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Văn Công T.

- Về hôn nhân: Anh Văn Công T được ly hôn với chị Phạm Thị O.

- Về nuôi con chung: Giao 03 con chung Văn Thanh N, sinh ngày 27/11/2011, Văn Thị Ngọc H, sinh ngày 14/03/2014 và Văn Đức T1, sinh ngày 03/10/2016 cho anh Văn Công T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho chị O nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh T và chị O có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Anh Văn Công T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004730 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho anh T và chị O biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Ngọc, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, số 41, quyển số 01/2015, ngày 30/3/2015 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

